TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thái

2. Bà Đặng Thị Xuân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lường Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị T, sinh năm 1997. Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Nà Sang, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Số A, N, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Vũ A, sinh năm 1974. Cư trú tại: 3724 8TH St Port ArThur T 77642 USA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Phạm Vũ A kết hôn ngày 26/02/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, ông Phạm Vũ A có ở lại Việt Nam 03 tháng sau đó quay về Hoa Kỳ (anh Vũ A định cư tại Hoa Kỳ) sinh sống và làm việc, còn bà T vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung , không có sự quan tâm chia sẻ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sau khi ông Vũ A về Hoa Kỳ, ông chỉ thỉnh thoảng liên hệ qua điện thoại, chứ chưa lần nào về Việt Nam thăm bà. Đến đầu năm 2022 (Tết nguyên đán) ông Vũ A có về Việt Nam ăn Tết cùng gia đình bà, sau đó ông lại quay về Hoa Kỳ. Từ đó đến nay chưa lần nào ông Phạm Vũ A về Việt Nam thăm bà. Nay bà thấy rằng, giữa bà và ông Phạm Vũ A đã kết hôn từ tháng 02/2020 nhưng không sống cùng nhau nên tình cảm dần phai nhạt, ông Phạm Vũ A cũng không có ý định về Việt Nam sinh sống. Nay bà xác định giữa bà và ông Phạm Vũ A không còn tình cảm, nên bà có đơn xin ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Đối với Bị đơn ông Phạm Vũ A:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thành công cho ông Phạm Vũ A các văn bản tố tụng của Tòa án, cụ thể:

- Thông báo thụ lý vụ án số 08/TBTL-TA ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam.

- Thông báo số 133/TB-TA ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở phiên tòa

Thông qua dịch vụ bưu chính xác định ông Phạm Vũ A đã nhận được văn bản của Tòa án. Tuy nhiên cho đến thời điểm mở phiên tòa, bị đơn ông Vũ A không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của bà T , cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lý Thị T được ly hôn với ông Phạm Vũ A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do bị đơn là ông Phạm Vũ A có Quốc tịch Hoa Kỳ và cư trú tại địa chỉ 3724 8TH St Port ArThur T 77642 USA . Do vậy theo quy định tại Điều 28, 37, 40 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Phạm Vũ A theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của ông Phạm Vũ A đang cư trú ở Hoa Kỳ. Cụ thể: Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T đối với ông Phạm Vũ A và yêu cầu ông gửi văn bản ý kiến cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thông qua dịch vụ bưu chính xác nhận bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn không gửi ý kiến cũng như các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn vắng mặt căn cứ điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án hoãn phiên tòa và đồng thời Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian cho bị đơn có ý kiến và tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, hết thời hạn Tòa ấn định bị đơn không có ý kiến cũng như không có mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

Đối với nguyên đơn bà Lý Thị T, quá trình giải quyết vụ án bà T đã cung cấp toàn bộ lời khai cho Tòa án; tại phiên tòa bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lý Thị T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T xin ly hôn ông Phạm Vũ A thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T và ông Phạm Vũ A kết hôn ngày 26/02/2020 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Do đó, xác định hôn nhân giữa bà Lý Thị T và ông Phạm Vũ A là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm, quá trình chung sống hai người không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống xa nhau nhưng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Sau khi kết hôn, ông Phạm Vũ A quay về Hoa Kỳ (ông Vũ A định cư tại Hoa Kỳ) sinh sống và làm việc, còn bà Thủy sinh s và làm việc tại Việt Nam. Sau khi về nước, ông Vũ A chỉ thỉnh thoảng liên hệ qua điện thoại cho bà T cho đến đầu năm 2022 (Tết nguyên đán) ông Vũ A có về Việt Nam ăn Tết cùng gia đình bà T, sau đó ông lại quay về Hoa Kỳ và từ đó đến nay

ông Phạm Vũ A chưa về Việt Nam thăm bà T lần nào và cũng không điện thoại liên lạc cho bà, còn bà T thỉnh thoảng có liên lạc điện thoại cho ông nhưng đều không liên lạc được.

Nay bà T thấy rằng, giữa bà và ông Phạm Vũ A mặc dù kết hôn từ tháng 02/2020 nhưng thời gian chung sống cùng nhau ít nên tình cảm dần phai nhạt, ông Phạm Vũ A cũng không có ý định về Việt Nam sinh sống và bà cũng không có ý định sang Hoa Kỳ sinh sống cùng ông. Nay bà T xác định giữa bà và ông không còn tình cảm, nên bà có đơn xin ly hôn với ông Phạm Vũ A.

Xét thấy, bà T và ông Phạm Vũ A kết hôn từ tháng 2/2020, thời gian kết hôn là hơn 3 năm nhưng ông Phạm Vũ A về thăm bà T duy nhất 1 lần, vợ chồng mỗi người một nơi, không chung sống cùng nhau để thương yêu, chăm sóc và xây dựng hạnh phúc gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau bà T xác định là tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông Phạm Vũ A của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà T và ông Phạm Vũ A không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu tiền chi phí tố tụng bao gồm: Tiền lệ phí, phí gửi và phí dịch thuật với tổng số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng)*. Xác nhận bà T đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị T phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57 và Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 37, 40, Điều 147, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, Điều 469, Điều 474, Điều 476, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lý Thị T được ly hôn với ông Phạm Vũ A.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lý Thị T phải chịu số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng)* tiền lệ phí, phí gửi và phí dịch thuật. Xác nhận bà T đã nộp đủ.

4.Về án phí: Bà Lý Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại biên lai thu tiền ngày 06/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Đương sự;
- UBND huyện Bạch Thông;
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Hường